VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa

Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 26/2020/TT-BGTVT ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020;

2. Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022;

3. Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa[1].

---

[1] Thông tư số 26/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đăng kiểm có căn cứ ban hành như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và việc tổ chức thực hiện đăng kiểm cho các phương tiện thủy nội địa.

2. Thông tư này không áp dụng đối với:

a) Phương tiện thủy nội địa làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tàu cá;

"Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đăng kiểm."

Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm."

Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;*

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa."

b) Phương tiện thủy nội địa không có động cơ trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc có sức chở đến 12 người;

c) Phương tiện thủy nội địa có động cơ công suất máy chính dưới 5 sức ngựa và có sức chở dưới 5 người;

d) Bè.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ[2]

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi tắt là sản phẩm công nghiệp) gồm: Vật liệu, máy và các trang thiết bị được sử dụng, lắp đặt trên phương tiện thủy nội địa.

2. Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi tắt là Tem kiểm định) là biểu trưng cấp cho phương tiện thủy nội địa đã được cơ quan đăng kiểm chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, được phép tham gia giao thông, vận tải đường thủy nội địa theo thời hạn ghi trên Tem kiểm định.

3. Hồ sơ thiết kế là hồ sơ kỹ thuật được thiết lập theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia nhằm phục vụ cho đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi, nhập khẩu và khai thác phương tiện thủy nội địa. Hồ sơ thiết kế có các loại sau đây:

a) Hồ sơ thiết kế đóng mới, hoán cải, sửa đổi;

b) Thiết kế lập hồ sơ cho phương tiện nhập khẩu (trừ mô tô nước nhập khẩu để sử dụng cho mục đích thể thao, vui chơi giải trí) hoặc phương tiện đã đóng không có sự giám sát của đăng kiểm (bao gồm phương tiện làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tàu cá chuyển đổi thành phương tiện thủy nội địa);

c) Hồ sơ thiết kế sản phẩm công nghiệp sản xuất, chế tạo trong nước;

d) Hồ sơ thiết kế mẫu định hình;

đ) Hồ sơ thiết kế các loại tàu thuyền không phải là phương tiện thủy nội địa chuyển đổi thành phương tiện thủy nội địa.

---

[2] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

4. Tài liệu hướng dẫn là tài liệu được thiết lập theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia để sử dụng trên phương tiện thủy nội địa nhằm cung cấp thông tin cho thuyền trưởng, thuyền viên trong khai thác, vận hành phương tiện và các máy, trang thiết bị của phương tiện đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

5. Thẩm định hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn là việc kiểm tra, soát xét hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn để đưa ra kết luận về tính tuân thủ của hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn với yêu cầu của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nêu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Phương tiện đóng theo loạt là các phương tiện thủy nội địa được đóng mới theo cùng một hồ sơ thiết kế được đơn vị đăng kiểm thẩm định cho cùng một chủ sử dụng thiết kế, tại cùng một cơ sở đóng tàu và được giám sát kỹ thuật bởi cùng một đơn vị đăng kiểm.

7. Mô tô nước là phương tiện thủy được sử dụng cho mục đích thể thao, vui chơi giải trí với chiều dài thân phương tiện nhỏ hơn 4 m, sử dụng động cơ đẩy kiểu bơm phụt nước và được vận hành bởi người ngồi, đứng hoặc quỳ trên thân phương tiện mà không trong không gian kín của thân phương tiện.

8. Tổ chức đăng kiểm nước ngoài gồm thành viên của Hiệp hội các tổ chức phân cấp quốc tế (IACS) hoặc tổ chức chứng nhận được các quốc gia có tiêu chuẩn chất lượng tiên tiến thừa nhận (các quốc gia là thành viên của G7, EU, các quốc gia UK, Úc, Newzealand, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nga).

9. Đơn vị đăng kiểm là Chi cục Đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc đơn vị đăng kiểm trực thuộc Sở Giao thông vận tải.

Chương II
ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN

Điều 4. Nội dung công tác đăng kiểm phương tiện

1. Thẩm định hồ sơ thiết kế và tài liệu hướng dẫn của tàu.

2. Kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây gọi là kiểm tra), cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa cho phương tiện nhập khẩu.

3. Kiểm tra và cấp các giấy chứng nhận cho sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện.

4. Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa cho phương tiện trong đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi.

5. Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa cho phương tiện trong quá trình hoạt động.

6.[3] *(được bãi bỏ)*

7.[4] *(được bãi bỏ)*

8.[5] Sao và thẩm định mẫu định hình.

Điều 5. Căn cứ đánh giá chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện và sản phẩm công nghiệp[6]

Công tác đăng kiểm quy định tại Điều 4 của Thông tư này phải được tiến hành theo quy định của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Các loại hình kiểm tra phương tiện[7]

1. Các loại hình kiểm tra phương tiện bao gồm:

a) Kiểm tra lần đầu, bao gồm: kiểm tra phương tiện khi đóng mới, phương tiện nhập khẩu, phương tiện đã đóng không có sự giám sát của đăng kiểm;

b) Kiểm tra chu kỳ, bao gồm: kiểm tra định kỳ; kiểm tra hàng năm; kiểm tra trên đà; kiểm tra trung gian;

c) Kiểm tra bất thường;

d) Kiểm tra hoán cải.

---

[3] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[4] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[5] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[6] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[7] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

2. Nội dung và thời hạn các loại hình kiểm tra được thực hiện theo quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Nguyên tắc kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa

1. Phương tiện phải được kiểm tra lần đầu, cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa trước khi đăng ký hành chính lần đầu.

2.[8] Phương tiện được đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi, nhập khẩu ở khu vực nào thì đơn vị đăng kiểm có đủ năng lực, thẩm quyền phụ trách khu vực đó thực hiện kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa.

3. Phương tiện đã đăng ký hành chính khi kiểm tra chu kỳ, kiểm tra bất thường được kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa tại bất kỳ đơn vị đăng kiểm nào có đủ năng lực, thẩm quyền phụ trách khu vực phương tiện neo đậu.

4. Các đơn vị đăng kiểm chỉ được kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa phù hợp với năng lực, thẩm quyền và trong khu vực được giao.

Điều 7a. Nguyên tắc kiểm tra và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa[9]

1. Sản phẩm công nghiệp đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho tàu biển thì được sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.

2. Sản phẩm công nghiệp đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc tổ chức đăng kiểm nước ngoài công nhận kiểu để sử dụng cho tàu biển thì đơn vị đăng kiểm thực hiện kiểm tra, cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa phù hợp theo giấy chứng nhận công nhận kiểu.

---

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[9] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

3. Các sản phẩm công nghiệp khác với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì thực hiện kiểm tra và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng cho sản phẩm.

Chương III
THỦ TỤC THẨM ĐỊNH HỒ SƠ THIẾT KẾ, TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN; KIỂM TRA, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA; KIỂM TRA, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP

Điều 8. Hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế, tài liệu hướng dẫn[10]

1. Đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, hoán cải, sửa đổi, thiết kế lập hồ sơ cho phương tiện đã đóng không có sự giám sát của đăng kiểm, lập 01 bộ hồ sơ thiết kế bao gồm:

a) 01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với trường hợp nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc 03 bản chính (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác) các tài liệu sau: bản tính, bản vẽ, thuyết minh và các tài liệu kỹ thuật (nếu có) theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia áp dụng cho phương tiện. Có thể sử dụng ngôn ngữ trong thuyết minh, bản tính là tiếng Việt hoặc tiếng Anh có kèm theo bản dịch bằng tiếng Việt; trong bản vẽ là tiếng Việt hoặc tiếng Anh;

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý Hợp đồng đóng mới phương tiện hoặc các giấy tờ chứng minh phương tiện là tài sản hợp pháp của chủ phương tiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của tài sản đó (đối với thiết kế lập hồ sơ của phương tiện đã đóng không có sự giám sát của đăng kiểm);

d) Trường hợp hồ sơ thiết kế hoán cải cho phương tiện nhập khẩu và giữ nguyên công dụng hoặc có sức chở người từ 12 người trở xuống, đã được tổ chức

---

[10] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

đăng kiểm nước ngoài kiểm tra, chứng nhận an toàn kỹ thuật, tùy theo nội dung thiết kế hoán cải, hồ sơ nộp bao gồm: 01 (một) bản sao có xác nhận của đơn vị nhập khẩu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý hồ sơ chứng nhận an toàn kỹ thuật của các tổ chức đăng kiểm nước ngoài cấp cho phương tiện, tài liệu hướng dẫn vận hành; 01 (một) bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với trường hợp nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc 03 (ba) bản chính (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) các tài liệu sau: bản vẽ bố trí chung của tàu, mạn khô, tín hiệu, cứu sinh, cứu hỏa; thuyết minh về hệ thống máy tàu, điện tàu, trang bị an toàn theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia áp dụng cho phương tiện.

2. Đối với hồ sơ thiết kế mẫu định hình, lập 01 bộ hồ sơ thiết kế bao gồm:

a) 01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị thẩm định mẫu định hình phương tiện thủy nội địa theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với trường hợp nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc 03 bản chính (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác) các tài liệu sau: bản tính, bản vẽ, thuyết minh theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia áp dụng cho phương tiện.

3. Đối với sao và thẩm định mẫu định hình, hồ sơ bao gồm: 01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị sử dụng mẫu định hình phương tiện thủy nội địa theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Đối với thiết kế lập hồ sơ cho phương tiện nhập khẩu (trừ mô tô nước nhập khẩu để sử dụng cho mục đích thể thao, vui chơi giải trí), lập 01 (một) bộ hồ sơ thiết kế bao gồm:

a) 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị thẩm định hồ sơ thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 (một) bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với trường hợp nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc 03 (ba) bản chính (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) các tài liệu sau: bản tính, bản vẽ, thuyết minh và các tài liệu kỹ thuật khác (nếu có) theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia và văn bản quy phạm pháp luật áp dụng cho phương tiện; các tài liệu kỹ thuật của tổ chức nước ngoài cấp cho phương tiện (nếu có). Có thể sử dụng ngôn ngữ trong thuyết minh, bản tính là tiếng Việt hoặc tiếng Anh có kèm theo bản dịch bằng tiếng Việt; trong bản vẽ là tiếng Việt hoặc tiếng Anh;

c) Trường hợp phương tiện nhập khẩu về Việt Nam và giữ nguyên công dụng hoặc có sức chở người từ 12 người trở xuống, đã được tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm tra, chứng nhận an toàn kỹ thuật, hồ sơ nộp bao gồm: 01 (một) bản sao có xác nhận của đơn vị nhập khẩu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý hồ sơ chứng nhận an toàn kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm nước ngoài cấp cho phương tiện, tài liệu hướng dẫn vận hành; 01 (một) bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với trường hợp nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc 03 (ba) bản chính (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) các tài liệu sau: bản vẽ bố trí chung của tàu, mạn khô, tín hiệu, cứu sinh, cứu hỏa; thuyết minh về hệ thống máy tàu, điện tàu, trang bị an toàn theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia áp dụng cho phương tiện;

d) Bản sao có xác nhận của đơn vị nhập khẩu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý hồ sơ xác định tuổi của phương tiện (thể hiện trên hồ sơ đăng kiểm hoặc trên giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) do cơ quan quản lý quốc gia hoặc tổ chức được cơ quan quản lý quốc gia ủy quyền hoặc phòng thương mại quốc tế hoặc các hồ sơ khác do cơ quan quản lý của quốc gia mà phương tiện được đóng đã cấp cho phương tiện).

5. Đối với hồ sơ thiết kế sản phẩm công nghiệp sản xuất, chế tạo trong nước, lập 01 (một) bộ hồ sơ thiết kế bao gồm:

a) 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị thẩm định hồ sơ thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 (một) bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với trường hợp nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc 03 (ba) bản chính (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) các tài liệu sau: bản tính, bản vẽ, thuyết minh và các tài liệu kỹ thuật (nếu có) theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia áp dụng cho sản phẩm.

6. Đối với hồ sơ thiết kế các loại tàu thuyền không phải là phương tiện thủy nội địa chuyển đổi thành phương tiện thủy nội địa, lập 01 (một) bộ hồ sơ thiết kế bao gồm:

a) 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 (một) bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với trường hợp nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc 03 (ba) bản chính (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác) các tài liệu

sau: bản tính, bản vẽ, thuyết minh và các tài liệu kỹ thuật (nếu có) theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia áp dụng cho phương tiện.

7. Đối với tài liệu hướng dẫn, hồ sơ bao gồm:

a) 01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị thẩm định tài liệu hướng dẫn theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với trường hợp nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc 03 bản chính (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác) tài liệu hướng dẫn.

Điều 9. Trình tự thẩm định thiết kế, tài liệu hướng dẫn[11]

1. Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Chi cục Đăng kiểm hồ sơ đề nghị thẩm định hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Chi cục Đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến); nếu hồ sơ đầy đủ thì hẹn thời gian trả kết quả.

3. Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc (đối với thiết kế loại phương tiện đóng bằng vật liệu mới, công dụng mới hoặc các phương tiện hoạt động tuyến vận tải đường thủy nội địa ven biển, từ bờ ra đảo, giữa các đảo; phương tiện chở khí hóa lỏng, chở xô hóa chất nguy hiểm; tàu dầu có nhiệt độ chớp cháy nhỏ hơn hoặc bằng 60 ^{0}C, có trọng tải toàn phần từ 500 tấn trở lên; tàu cao tốc chở khách, tàu đệm khí; nhà hàng nổi, khách sạn nổi, tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, tàu chở khách có sức chở từ 100 khách trở lên) hoặc trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc (đối với thiết kế không phải là loại kể trên và tài liệu hướng dẫn), Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Chi cục Đăng kiểm hoàn thành thẩm định hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn, nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo quy định, cấp thông báo thẩm định tài liệu hướng dẫn, thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có); nếu không đạt thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để khắc phục các tồn tại.

---

[11] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

4. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ thiết kế đã khắc phục các tồn tại, nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo quy định tại khoản 3 Điều này; nếu không đạt thì trả lời cho tổ chức, cá nhân để khắc phục lại các tồn tại.

5. Tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn nộp giá dịch vụ, lệ phí theo quy định và nhận kết quả trực tiếp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Chi cục Đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

Điều 10. Thủ tục kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa[12]

1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác đến đơn vị đăng kiểm, hồ sơ bao gồm:

a) Đối với kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi (bao gồm các loại tàu thuyền không phải là phương tiện thủy nội địa chuyển đổi thành phương tiện thủy nội địa); phương tiện đã đóng không có sự giám sát của đăng kiểm (bao gồm tàu làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tàu cá chuyển đổi thành phương tiện thủy nội địa): Giấy đề nghị kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, bản sao giấy xóa đăng ký (đối với tàu biển, tàu cá chuyển đổi thành phương tiện thủy nội địa), văn bản chấp thuận sử dụng thiết kế của đơn vị thiết kế (đối với phương tiện đóng theo loạt);

b) Đối với kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện đang khai thác: Giấy đề nghị kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, bản sao có chứng thực hợp đồng mua bán phương tiện (đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu phương tiện).

2. Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ thì thống nhất thời gian, địa điểm kiểm tra.

---

[12] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

3. Đơn vị đăng kiểm tiến hành kiểm tra, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc (đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc dưới 70 km) và 02 (hai) ngày làm việc (đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên hoặc kiểm tra phương tiện ở vùng biển, đảo), kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường, đơn vị đăng kiểm cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa theo quy định nếu kết quả kiểm tra phương tiện thỏa mãn các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia; thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị nếu kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu.

4. Tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm tra phương tiện nộp giá dịch vụ, lệ phí theo quy định và có thể nhận kết quả trực tiếp tại đơn vị đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc các hình thức phù hợp khác.

Điều 11. Thủ tục kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện nhập khẩu[13]

1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác đến đơn vị đăng kiểm, hồ sơ bao gồm: 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này; bản sao có xác nhận của đơn vị nhập khẩu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý hồ sơ xác định tuổi của phương tiện (thể hiện trên hồ sơ đăng kiểm hoặc trên giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) do cơ quan quản lý quốc gia hoặc tổ chức được cơ quan quản lý quốc gia ủy quyền hoặc phòng thương mại quốc tế hoặc các hồ sơ khác do cơ quan quản lý của quốc gia mà phương tiện được đóng đã cấp cho phương tiện), các tài liệu theo quy định của pháp luật kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu và hồ sơ kỹ thuật của phương tiện nhập khẩu. Hồ sơ kỹ thuật của phương tiện nhập khẩu quy định như sau:

a) Đối với phương tiện nhập khẩu đã được tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm tra, chứng nhận an toàn kỹ thuật: tài liệu kỹ thuật liên quan đến phương tiện (nếu có), hồ sơ chứng nhận do tổ chức đăng kiểm nước ngoài cấp cho phương tiện (bản sao có xác nhận của đơn vị nhập khẩu);

---

[13] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

b) Đối với phương tiện nhập khẩu chưa được tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật: bản sao có xác nhận của đơn vị nhập khẩu các tài liệu kỹ thuật liên quan đến phương tiện (nếu có);

c) Đối với mô tô nước: bản sao có xác nhận của đơn vị nhập khẩu tài liệu hướng dẫn vận hành và bản sao các tài liệu kỹ thuật khác (nếu có).

2. Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ và xác nhận vào phiếu theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ thì thống nhất thời gian kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu.

3. Đơn vị đăng kiểm thực hiện kiểm tra như sau:

a) Đối với phương tiện được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, tiến hành kiểm tra thực tế để xác nhận tình trạng kỹ thuật của phương tiện phù hợp với hồ sơ chứng nhận của tổ chức đăng kiểm nước ngoài cấp cho phương tiện và hồ sơ thiết kế được thẩm định;

b) Đối với phương tiện được quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, tiến hành kiểm tra thực tế phương tiện với loại hình kiểm tra lần đầu phù hợp với hồ sơ thiết kế được thẩm định;

c) Đối với phương tiện được quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, tiến hành kiểm tra thực tế phương tiện ở trạng thái hoạt động phù hợp với tài liệu hướng dẫn vận hành.

4. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc (đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc dưới 70 km) và 02 (hai) ngày làm việc (đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên hoặc kiểm tra phương tiện ở vùng biển, đảo), kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường, đơn vị đăng kiểm cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa theo quy định nếu kết quả kiểm tra phương tiện thỏa mãn các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia; thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị nếu kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu.

5. Tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm tra phương tiện nhập khẩu nộp giá dịch vụ, lệ phí theo quy định và có thể nhận kết quả trực tiếp tại đơn vị đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

Điều 12. Thủ tục kiểm tra và cấp các giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa[14]

1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác đến đơn vị đăng kiểm. Hồ sơ đề nghị kiểm tra bao gồm:

a) 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này; các tài liệu theo quy định của pháp luật kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu;

b) 01 (một) bản sao hoặc bản sao điện tử bộ hồ sơ kỹ thuật bao gồm thông số kỹ thuật, các báo cáo kiểm tra thử sản phẩm công nghiệp (nếu có).

2. Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, trong trường hợp sản phẩm công nghiệp nhập khẩu thì xác nhận vào phiếu theo mẫu nêu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc trong 02 (hai) ngày làm việc hướng dẫn hoàn thiện, kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ thì thống nhất thời gian kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu.

3. Đơn vị đăng kiểm tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu. Kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc (đối với việc kiểm tra sản phẩm công nghiệp cách trụ sở làm việc dưới 70 km) và 02 (hai) ngày làm việc (đối với việc kiểm tra sản phẩm công nghiệp cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên hoặc kiểm tra ở vùng biển, đảo), đơn vị đăng kiểm cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa theo quy định nếu kết quả kiểm tra thỏa mãn các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị nếu kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu.

4. Tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm tra sản phẩm công nghiệp nộp giá dịch vụ, lệ phí theo quy định và nhận kết quả trực tiếp tại đơn vị đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.

---

[14] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Điều 13. Hồ sơ đăng kiểm, Tem kiểm định và số kiểm soát cấp cho phương tiện

1.[15] Phương tiện sau khi được kiểm tra có trạng thái kỹ thuật thỏa mãn các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia sẽ được cấp các hồ sơ sau:

a) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa;

b) Các loại biên bản và báo cáo kiểm tra kỹ thuật;

c) Sổ kiểm tra thiết bị nâng hàng đối với phương tiện có thiết bị nâng hàng;

d) Các giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.

đ) Sổ chứng nhận thể tích chiếm nước của phương tiện khi có yêu cầu của chủ phương tiện.

2.[16] *(được bãi bỏ)*

3. Tem kiểm định theo mẫu quy định tại Phụ lục VII của Thông tư này được cấp kèm theo Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa. Tem kiểm định được dán trên phương tiện như sau:

a) Đối với phương tiện có kính phía trước vô lăng lái: Tem kiểm định được dán ở mặt trong, góc trên, ngoài cùng, phía bên phải của kính (nhìn từ lái về mũi phương tiện), ở vị trí dễ quan sát;

b) Đối với phương tiện có ca-bin hoặc buồng ngủ nhưng không có kính vách phía trước: Tem kiểm định được dán ở mặt ngoài, góc trên, ngoài cùng, phía bên phải của vách trước ca-bin hoặc buồng ngủ (nhìn từ lái về mũi phương tiện), ở vị trí dễ quan sát;

c) Đối với phương tiện không thuộc điểm a, b khoản này nhưng có thành quây hầm hàng: Tem kiểm định được dán ở mặt ngoài, góc trên, ngoài cùng, phía bên phải của thành quây hầm hàng phía mũi (ngay phía dưới của thanh gia cường mép miệng quây), ở vị trí dễ quan sát;

d) Đối với phương tiện còn lại: Tem kiểm định được dán ở vị trí dễ quan sát, ít bị va chạm và ít bị ảnh hưởng của thời tiết.

---

[15] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[16] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

4. Số kiểm soát

a) Phương tiện sau khi được kiểm tra thỏa mãn các yêu cầu theo tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật sẽ được đóng hoặc gắn một số kiểm soát, số kiểm soát được đóng hoặc gắn trên phương tiện nhằm kiểm soát từng phương tiện và số lượng phương tiện đã được đăng kiểm trên toàn quốc;

b) Số kiểm soát gồm phần chữ và phần số. Phần chữ gồm hai chữ cái in hoa là VR (đối với các phương tiện quy định tại khoản 1, 2, 3 Phụ lục IX của Thông tư này), VS (đối với các phương tiện quy định tại khoản 4 Phụ lục IX của Thông tư này). Phần số gồm 8 (tám) chữ số, hai chữ số đầu là 2 (hai) chữ số cuối của năm đóng phương tiện, sáu chữ số tiếp theo là số tự nhiên do Cục Đăng kiểm Việt Nam quản lý và cấp trực tiếp cho các đơn vị đăng kiểm. Số này được lưu vào cơ sở dữ liệu quản lý đăng kiểm phương tiện trong suốt quá trình hoạt động của phương tiện;

c) Các đơn vị đăng kiểm, khi nhận được phiếu cấp phát 6 (sáu) chữ số tự nhiên từ Cục Đăng kiểm Việt Nam, phải xác nhận về Cục Đăng kiểm Việt Nam. Đơn vị đăng kiểm sử dụng số kiểm soát theo thứ tự từ số nhỏ đến số lớn. Hàng tháng, đơn vị phải báo cáo việc sử dụng số kiểm soát, dự trù kế hoạch sử dụng của tháng tiếp theo và báo cáo về Cục Đăng kiểm Việt Nam.

5. Kích thước, vị trí số kiểm soát theo quy định tại Phụ lục VIII của Thông tư này.

Chương IV
CƠ QUAN TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 14. Cơ quan thực hiện đăng kiểm phương tiện[17]

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam, Chi cục Đăng kiểm thực hiện thẩm định hồ sơ thiết kế và tài liệu hướng dẫn của tàu phù hợp với năng lực của đăng kiểm viên thẩm định thiết kế của đơn vị.

2. Các đơn vị đăng kiểm đã được xác nhận và thông báo hạng đơn vị đăng kiểm sẽ được thực hiện nội dung công tác đăng kiểm quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 8 Điều 4 Thông tư này phù hợp với hạng đơn vị đăng kiểm được quy định tại khoản 3 Điều này.

---

[17] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

3. Đơn vị đăng kiểm được chia thành hạng I, hạng II, hạng III theo yêu cầu về năng lực quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này và thực hiện công tác đăng kiểm như sau:

a) Đơn vị đăng kiểm hạng III thực hiện công tác đăng kiểm đối với phương tiện thủy nội địa có tổng dung tích dưới 500 GT, phương tiện thủy nội địa có động cơ tổng công suất máy chính dưới 300 sức ngựa, phương tiện thủy nội địa có sức chở dưới 50 người (trừ tàu cấp VR-SB, tàu nhiều thân, tàu chở công te nơ, tàu cao tốc chở khách, tàu đệm khí, tàu cánh ngầm, tàu dầu, tàu chở hóa chất nguy hiểm, tàu chở khí hóa lỏng, tàu chở hàng nguy hiểm).

b) Đơn vị đăng kiểm hạng II thực hiện công tác đăng kiểm đối với các loại phương tiện thủy nội địa (trừ tàu dầu có tổng dung tích từ 3000 GT trở lên, tàu hàng cấp VR-SB có tổng dung tích từ 3000 GT trở lên hoặc tàu khách cấp VR - SB có sức chở từ 100 người trở lên, tàu chở hóa chất nguy hiểm, tàu chở khí hóa lỏng, tàu chở hàng nguy hiểm).

c) Đơn vị đăng kiểm hạng I thực hiện công tác đăng kiểm đối với tất cả các loại phương tiện thủy nội địa.

Điều 15. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Xây dựng mới hoặc bổ sung, sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện trình cơ quan có thẩm quyền ban hành; xây dựng, ban hành các quy định về nghiệp vụ đăng kiểm để áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện.

1a.[18] Tổ chức thực hiện nội dung đăng kiểm quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

2. Tổ chức hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ về đăng kiểm phương tiện và kiểm tra thực hiện Thông tư này.

3. Xây dựng, quản lý, hướng dẫn sử dụng thống nhất Cơ sở dữ liệu quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa; nối mạng truyền số liệu và quản lý dữ liệu phương tiện của các đơn vị đăng kiểm.

---

[18] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

4. Tổ chức tập huấn về nghiệp vụ đăng kiểm.

5. Thực hiện việc xác nhận và thông báo năng lực đơn vị đăng kiểm theo quy định tại Phụ lục X. Công bố hạng các đơn vị đăng kiểm trên trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

6.[19] *(được bãi bỏ)*

7.[20] Kiểm tra công tác đăng kiểm của các đơn vị đăng kiểm. Xử lý hoặc đề nghị xử lý sai phạm của cá nhân và đơn vị đăng kiểm theo quy định.

8. Quy định các biên bản, báo cáo kiểm tra kỹ thuật cấp cho phương tiện.

9. In ấn, quản lý, cấp phát các loại ấn chỉ, ấn phẩm sử dụng trong đăng kiểm phương tiện.

10. Báo cáo kết quả thực hiện công tác đăng kiểm theo quy định.

11.[21] Thu giá dịch vụ, lệ phí theo quy định hiện hành.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Kiểm tra, giám sát hoạt động và xử lý sai phạm của các cá nhân, đơn vị đăng kiểm thuộc địa phương quản lý. Phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra công tác đăng kiểm của các đơn vị đăng kiểm trực thuộc địa phương quản lý.

2. Chỉ đạo các đơn vị chức năng của Sở Giao thông vận tải:

a) Phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động, kiểm tra, xử lý những trường hợp không tuân thủ các quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

b)[22] Phối hợp với Chi cục Đăng kiểm thực hiện đăng kiểm phương tiện đối với trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư này.

---

[19] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[20] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[21] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[22] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Điều 17. Trách nhiệm của đơn vị đăng kiểm

1.[23] Đơn vị đăng kiểm có trách nhiệm thực hiện công tác đăng kiểm phù hợp với năng lực được Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo. Trong trường hợp có đề nghị của Sở Giao thông vận tải thì nhiệm vụ đăng kiểm được phân công cho đơn vị đăng kiểm trực thuộc Sở Giao thông vận tải sẽ do Chi cục Đăng kiểm thực hiện.

2.[24] *(được bãi bỏ)*

3.[25] Đơn vị đăng kiểm có trách nhiệm duy trì năng lực theo hạng đã được thông báo; thông báo cho Cục Đăng kiểm Việt Nam và Sở Giao thông vận tải nếu không đáp ứng được yêu cầu năng lực đơn vị đăng kiểm theo quy định.

4. Đơn vị đăng kiểm phải có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực thực hiện công tác đăng kiểm trên địa bàn được giao thỏa mãn quy định tại Phụ lục X và Phụ lục XI; Phân công đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra theo đúng trình độ và năng lực ghi trong giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

5. Thực hiện kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa một cách khách quan, phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ và đúng pháp luật.

6. Người đứng đầu đơn vị đăng kiểm và đăng kiểm viên trực tiếp thực hiện kiểm tra phải chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra.

7.[26] Công khai trình tự, thủ tục, nội dung quy trình, giá, lệ phí và thời gian làm việc.

8[27]. Thực hiện chế độ lưu trữ theo quy định và báo cáo kết quả thực hiện công tác đăng kiểm theo các nội dung sau:

---

[23] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[24] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[25] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[26] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[27] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 26/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

a) Tên báo cáo: Công tác giám sát kỹ thuật phương tiện thủy nội địa;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo số lượt kiểm tra phương tiện phân theo loại hình;

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Các đơn vị đăng kiểm;

d) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Đăng kiểm Việt Nam;

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử; được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc phương thức điện tử hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

e) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 28 hàng tháng;

g) Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ hàng tháng hoặc theo yêu cầu;

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 26 tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 25 của tháng kỳ báo cáo;

i) Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

9. Tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Cục Đăng kiểm Việt Nam về công tác kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện.

10. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động đăng kiểm của cơ quan chức năng.

11. Quản lý, giám sát hoạt động đăng kiểm, thường xuyên giáo dục đạo đức nghề nghiệp đối với cán bộ, đăng kiểm viên và nhân viên; phòng, chống tiêu cực trong hoạt động đăng kiểm của đơn vị.

12.[28] Nộp giá dịch vụ, lệ phí theo quy định.

13. Khi nhận được yêu cầu kiểm tra bất thường bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đơn vị đăng kiểm phải tổ chức thực hiện kiểm tra và trả lời bằng văn bản về kết quả kiểm tra theo nội dung, thời gian và địa điểm yêu cầu kiểm tra.

14. Thu hồi giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường và Tem kiểm định của phương tiện trong trường hợp tàu bị tai nạn mà không còn đảm bảo trạng thái kỹ thuật; thu hồi giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong trường hợp cấp hồ sơ đăng kiểm mới khi thực hiện chu kỳ kiểm tra tiếp theo.

---

[28] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Điều 18. Trách nhiệm của chủ phương tiện, cơ sở thiết kế, đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện, cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp, cơ sở thử nghiệm phục vụ công tác đăng kiểm

1. Thực hiện các quy định về đăng kiểm phương tiện, sản phẩm công nghiệp tại Thông tư này và các quy định liên quan khác của pháp luật.

2. Nộp lại Giấy chứng nhận và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của đơn vị đăng kiểm hoặc khi nhận Giấy chứng nhận và Tem kiểm định mới (trừ trường hợp bị mất).

3.[29] Nộp giá dịch vụ, lệ phí theo quy định.

4.[30] Chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Cục Đăng kiểm Việt Nam và các đơn vị đăng kiểm.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[31]

---

[29] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[30] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[31] Điều 8 của Thông tư số 26/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 quy định như sau:

"Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 11 của Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022 quy định như sau:

*"**Điều 11. Điều khoản thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 3 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023 quy định như sau:

*"**Điều 3. Điều khoản thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

2. Bãi bỏ Quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2004, Thông tư số 34/2011/TT-BGTVT ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2004 và tiêu chuẩn, chức trách, nhiệm vụ của đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 9 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các đơn vị đăng kiểm đang hoạt động trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục thực hiện nhiệm vụ theo quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2004 cho đến khi được đánh giá, xác nhận năng lực.

2. Trước ngày 01 tháng 01 năm 2018, Cục Đăng kiểm Việt Nam phải xác nhận năng lực và thông báo cho các đơn vị đăng kiểm.

Điều 21. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 61/VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2023

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Sang

PHỤ LỤC I[32]
DANH MỤC CÁC QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA ÁP DỤNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa - QCVN 72: 2013/BGTVT, sửa đổi lần 2: 2018, ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BGTVT ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm giám sát kỹ thuật và đóng phương tiện thủy nội địa cỡ nhỏ - QCVN 25: 2015/BGTVT, ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BGTVT ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm ngăn ngừa ô nhiễm do phương tiện thủy nội địa - QCVN 17: 2011/BGTVT, sửa đổi lần 2: 2016, ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

4. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa vỏ gỗ - QCVN 84: 2013/BGTVT, ban hành kèm theo Thông tư số 79/2014/TT-BGTVT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

5. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy phạm giám sát và kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu thể thao, vui chơi giải trí - QCVN 50: 2012/BGTVT, ban hành kèm theo Thông tư số 54/2012/TT-BGTVT ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

6. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu bằng chất dẻo cốt sợi thủy tinh - QCVN 56: 2013/BGTVT, ban hành kèm theo Thông tư số 06/2013/TT- BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

---

[32] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

7. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa vỏ thép chở xô hóa chất nguy hiểm - QCVN 01: 2008/BGTVT, sửa đổi lần 1: 2016, ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

8. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu thủy cao tốc - QCVN 54: 2013/BGTVT, ban hành kèm theo Thông tư số 11/2013/TT-BGTVT ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

9. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa vỏ xi măng lưới thép - QCVN 51: 2012/BGTVT, ban hành kèm theo Thông tư số 54/2012/TT-BGTVT ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

10. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị nâng trên các phương tiện thủy nội địa - QCVN 96: 2016/BGTVT, ban hành kèm theo Thông tư số 09/2017/TT- BGTVT ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

11. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chế tạo và kiểm tra thiết bị cứu sinh dùng cho phương tiện thủy nội địa - QCVN 85: 2015/BGTVT, ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

12. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đóng phương tiện thủy nội địa bằng vật liệu polypropylen copolyme - QCVN 95: 2016/BGTVT, ban hành kèm theo Thông tư số 43/2016/TT-BGTVT ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Trường hợp các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nêu trên được sửa đổi, bổ sung hoặc quy chuẩn kỹ thuật có liên quan được cấp có thẩm quyền ban hành mới sau ngày Thông tư này có hiệu lực, thì các sửa đổi, bổ sung hoặc các quy chuẩn kỹ thuật mới đó sẽ được áp dụng trong hoạt động đăng kiểm chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa.

PHỤ LỤC II[33]
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ THIẾT KẾ/TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN / SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm...*

GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ/ TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN/SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP

Kính gửi:.....

Đơn vị đề nghị thẩm định: .....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:..... Số Fax: .....

Đề nghị Cơ quan Đăng kiểm thẩm định thiết kế sau:

Tên tàu, tên sản phẩm, tài liệu hướng dẫn/Ký hiệu thiết kế:.....

Loại thiết kế(*): .....

Tên tàu, tên sản phẩm/ký hiệu thiết kế ban đầu (**):...../ .....

Số ĐKHC/ Số Đăng kiểm (**):...../.....

Nội dung thiết kế: .....

Dùng cho thiết kế phương tiện có:

Chiều dài (L_{max}/L):..... (m); Chiều rộng: (B_{max}/B):..... (m);

Chiều cao mạn (D):..... (m); Chiều chìm (d): ..... (m);

Tổng dung tích (GT):.....; Trọng tải TP/Lượng hàng: ..... (tấn);

[33] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Số lượng thuyền viên:.... (người); Số lượng hành khách/người khác:...../.... (người);

Vật liệu thân tàu:.....

Máy chính (số lượng, kiểu, công suất): .....;

Kiểu và công dụng của tàu: .....;

Cấp thiết kế dự kiến:.....; Vùng hoạt động:.....

Chủ sử dụng thiết kế: .....

Địa chỉ chủ sử dụng thiết kế: .....

Nơi dự kiến thi công: .....

Đơn vị giám sát dự kiến:.....

Số lượng thi công dự kiến: .... (chiếc)

Nội dung khác (nếu có):

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các nội dung nêu trên về hồ sơ thiết kế và tài liệu hướng dẫn, về tính hợp lệ, hợp pháp của các hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo, đồng thời cam kết hồ sơ thiết kế phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia mà phương tiện/sản phẩm công nghiệp áp dụng.

Đơn vị đề nghị

(Ký tên & đóng dấu)

(*) Điền loại thiết kế, ví dụ: "Đóng mới", "hoán cải", "sửa đổi", "tài liệu hướng dẫn", "sản phẩm công nghiệp", "lập hồ sơ".

(**) Áp dụng cho thiết kế hoán cải, sửa đổi.

PHỤ LỤC III

GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH MẪU ĐỊNH HÌNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị đề nghị thẩm định mẫu	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm 20*

GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH MẪU ĐỊNH HÌNH

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Đơn vị đề nghị thẩm định mẫu: .....

Địa chỉ:.....

Đơn vị xây dựng mẫu: .....

Địa chỉ:.....

Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam thẩm định mẫu định hình có thông số kỹ thuật như sau:

Kiểu và công dụng của phương tiện: .....

Vật liệu thân tàu:.....

Chiều dài thiết kế từ: .....(m); đến:.....(m)

Chiều rộng thiết kế từ: .....(m); đến:.....(m)

Chiều cao mạn từ: .....(m); đến:.....(m)

Chiều chìm từ:.....(m); đến:.....(m)

Trọng tải toàn phần từ: .....(tấn); đến:..... (tấn)

Số lượng khách từ:..... (người); đến:..... (người)

Kiểu lắp đặt máy chính:.....; Công suất từ:..... đến..... (sức ngựa)

Vùng hoạt động:.....

ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

(Ký tên & đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu đơn vị.

PHỤ LỤC IV
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ SỬ DỤNG MẪU ĐỊNH HÌNH PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ SỬ DỤNG MẪU ĐỊNH HÌNH PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi:.....

Tên người đề nghị sử dụng mẫu:
Địa chỉ:.....
Số chứng minh nhân dân/Mã số thuế: ..... / .....
Số điện thoại: ..... Số Fax: .....

Đề nghị Cơ quan Đăng kiểm sao và thẩm định thiết kế mẫu phương tiện thủy nội địa để:

Đóng mới phương tiện: ☐
Lập hồ sơ cho phương tiện: ☐
Hoán cải cho phương tiện: ☐

Có các thông số như sau:
Chiều dài (L_{max}/L):...../..... (m); Chiều rộng: (B_{max}/B):...../..... (m);
Chiều cao mạn (D):..... (m); Chiều chìm (d): ..... (m);
Trọng tải toàn phần:..... (tấn); Số lượng hành khách/người khác:...../.....(người);
Vật liệu thân tàu:.....
Ký hiệu máy chính:.....; Công suất máy chính: .....(sức ngựa);
Kiểu lắp đặt:.....
Vùng hoạt động: .....
Đơn vị dự kiến thi công: .....
Số lượng thi công:..... (chiếc)

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí cấp giấy chứng nhận theo quy định hiện hành.

Đơn vị (cá nhân) đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên & đóng dấu nếu có)

PHỤ LỤC V[34]

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN/SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... ....., *ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN/SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi:.....

Tổ chức, cá nhân đề nghị:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại: ..... Số Fax: .....

Đề nghị Cơ quan Đăng kiểm kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa/giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện sau:

Tên tàu/tên sản phẩm công nghiệp:...../ ..... /

Số thẩm định thiết kế: .....

Số ĐKHC/ Số Đăng kiểm (*):...../.....

Nội dung kiểm tra:

.....

Tên, địa chỉ nhà sản xuất (**): .....

Thời gian dự kiến kiểm tra: .....

Địa điểm kiểm tra: .....

[34] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Tên Tổ chức/cá nhân trả phí đăng kiểm: .....

Địa chỉ, số điện thoại, số fax: .....

Mã số thuế:.....

Nội dung khác (nếu có):

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ giá và lệ phí cấp giấy chứng nhận theo quy định hiện hành và xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các nội dung nêu trên về hồ sơ thiết kế và tài liệu hướng dẫn, về tính hợp lệ, hợp pháp của các hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo, đồng thời cam kết hồ sơ thiết kế phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia mà phương tiện/sản phẩm công nghiệp áp dụng.

Đơn vị đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên & đóng dấu nếu có)

(*) Áp dụng cho phương tiện đang khai thác.

(**) Áp dụng cho kiểm tra sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện.

PHỤ LỤC VI[35]

MẪU THÔNG BÁO THẨM ĐỊNH TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TB 01-TNĐ

CƠ QUAN ĐĂNG KIỂM

THÔNG BÁO THẨM ĐỊNH
TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN/THIẾT KẾ

Số:...../.....

Ngày:...../...../20.....

Về việc: .....

Tên/ký hiệu thiết kế: .....

Đơn vị thiết kế: .....

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN (*)

Nơi nhận:
- Đơn vị thiết kế 01
- Đơn vị ĐKGS 01
- Lưu nơi thẩm định 01
- Lưu nơi thẩm định 01

(*) Người có thẩm quyền là Lãnh đạo Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Lãnh đạo phòng tham mưu hoặc Lãnh đạo Chi cục Đăng kiểm

[35] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

PHỤ LỤC VII

MẪU TEM KIỂM ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TEM KIỂM ĐỊNH

1. Các yêu cầu chung

- Phôi tem phát hành thống nhất; có các chi tiết chống làm giả.

- Hình dạng bầu dục, kích thước bao: 114x102 mm, vành trong cách đều vành ngoài và có kích thước tương ứng 88x76 mm.

- Mặt trước của phôi Tem: Nền giữa hai vành trong và vành ngoài màu trắng, chữ đen và số seri Tem màu đỏ được in sẵn. Các nội dung khác chữ đen do Đơn vị đăng kiểm in.

- Phần trong hình bầu dục nền màu vàng, có logo Đăng kiểm chìm bên trong, in chữ số của tháng và năm đến hạn kiểm định.

- Tem được làm bằng chất liệu dạng vỡ chỉ sử dụng một lần, có thể dán trực tiếp lên vật liệu vỏ tàu (thép, gỗ, xi măng lưới thép, FRP, nhôm), sau đó tem được dán phủ một lớp nylon dày, chống bóc và chịu được ảnh hưởng của thời tiết như: mưa, nắng, sóng gió, nước.

2. Nội dung in trên tem

(1): in số seri tem

(2): in số kiểm soát của phương tiện

(3): in số đăng kiểm của phương tiện

(4): in tháng và năm đến hạn kiểm định

(5): in số Đăng ký hành chính của phương tiện

(6): in ngày, tháng, năm hết hạn hiệu lực đăng kiểm của phương tiện

PHỤ LỤC VIII

KÍCH THƯỚC, VỊ TRÍ SỐ KIỂM SOÁT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Đối với các tàu vỏ thép, hợp kim nhôm

a) Cách gắn: Số kiểm soát được làm sẵn bằng thép dẹt (đối với tàu vỏ thép), nhôm dẹt (đối với tàu vỏ hợp kim nhôm) và hàn cố định (hàn liên tục) phía dưới vị trí kẻ số đăng ký hành chính.

b) Kích thước (chiều cao x chiều rộng) của chữ và số kiểm soát là (100 x 60) mm, chiều rộng nét chữ và số là 15 mm; chữ và số kiểm soát được sơn cùng màu với số đăng ký hành chính.

2. Đối với các tàu vỏ gỗ, nhựa gia cường sợi thủy tinh:

a) Số kiểm soát được đóng vào biển số kiểm soát (làm bằng vật liệu nhôm) và gắn bằng đinh tán lên tàu tại vị trí sau: Nếu tàu có vô lăng lái thì gắn trên vô lăng lái; Nếu tàu không có vô lăng lái thì gắn trên đài lái trước cần điều khiển lái. Số kiểm soát của phương tiện quy định tại khoản 1, 2, 3 của Phụ lục IX của Thông tư này có chiều cao là 8 mm. Số kiểm soát của phương tiện quy định tại khoản 4 Phụ lục IX của Thông tư này có chiều cao là 6 mm.

b) Các tàu khác chọn vị trí đóng, gắn số kiểm soát sao cho dễ quan sát.

PHỤ LỤC IX
PHÂN LOẠI PHƯƠNG TIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Phương tiện hoạt động tuyến vận tải đường thủy nội địa ven biển, từ bờ ra đảo, giữa các đảo; phương tiện chở khí hóa lỏng, tàu chở công ten nơ, chở xô hóa chất nguy hiểm, chở dầu; tàu khách cao tốc, tàu đệm khí.

2. Các phương tiện của người nước ngoài hoặc của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tham gia giao thông đường thủy nội địa.

3. Các phương tiện hoạt động trên sông, kênh, rạch, hồ, đầm và vịnh (trừ các phương tiện nêu ở khoản 1, 2 trên đây), có một trong các đặc trưng sau:

a) Phương tiện có sức chở người từ 50 người trở lên;

b) Phương tiện có trọng tải toàn phần từ 200 tấn trở lên;

c) Phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 135 sức ngựa trở lên;

d) Phương tiện chuyên dùng như: ụ nổi, tàu công trình và các tàu có công dụng đặc biệt có chiều dài thiết kế từ 10 m trở lên;

e) Phương tiện có lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng lớn hơn 1 tấn.

4. Các phương tiện hoạt động trên sông, kênh, rạch, hồ, đầm và vịnh (trừ các phương tiện nêu ở khoản 1, 2 trên đây), có một trong các đặc trưng sau:

a) Các phương tiện có sức chở người dưới 50 người;

b) Các phương tiện có trọng tải toàn phần dưới 200 tấn;

c) Các phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính dưới 135 sức ngựa;

d) Các phương tiện chuyên dùng như: ụ nổi, tàu công trình và các tàu có công dụng đặc biệt có chiều dài thiết kế nhỏ hơn 10 m.

PHỤ LỤC X
YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC CỦA ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Yêu cầu chung

1.1. Cơ sở vật chất

1.1.1. Trụ sở làm việc

Đơn vị đăng kiểm phải có trụ sở hoặc văn phòng làm việc, đủ diện tích để đảm bảo điều kiện làm việc bình thường và lưu trữ hồ sơ.

1.1.2. Trang thiết bị tại văn phòng

Ngoài các trang thiết bị văn phòng thông thường, đơn vị đăng kiểm phải có các trang thiết bị sau:

- Điện thoại cố định.

- Máy fax.

- Máy photocopy.

- Trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

- Các bảng, biểu niêm yết công khai về thủ tục, phí, lệ phí kiểm định, thời gian làm việc, nội quy của đơn vị.

Trang thiết bị, công cụ kiểm định

TT	Tên thiết bị	Số lượng tối thiểu
1	Búa tay kiểm tra bằng thép	01 chiếc/01 đăng kiểm viên vỏ tàu
2	Thước cuộn bằng thép có chiều dài 2-5 m	01 chiếc/01 đăng kiểm viên vỏ tàu
3	Thước cuộn mềm có chiều dài > 10 m	01 chiếc/01 đăng kiểm viên vỏ tàu
4	Dây dọi + quả dọi	01 chiếc/01 đăng kiểm viên vỏ tàu
5	Thước kiểm tra mối hàn	01 chiếc/01 đăng kiểm viên vỏ tàu
6	Gương kiểm tra đường hàn	01 chiếc/01 đăng kiểm viên vỏ tàu

TT	Tên thiết bị	Số lượng tối thiểu
7	Thước cặp	01 chiếc/01 đăng kiểm viên máy tàu
8	Thước lá (dơ đờ căn)	01 chiếc/01 đăng kiểm viên máy tàu
9	Bút thử điện	01 chiếc/01 đăng kiểm viên máy tàu
10	Đồng hồ vạn năng	01 chiếc/01 đăng kiểm viên máy tàu
11	Kìm điện	01 chiếc/01 đăng kiểm viên máy tàu
12	Đèn pin 6 V	01 chiếc/01 đăng kiểm viên
13	Đồng hồ bấm giây	02 chiếc/01 đơn vị đăng kiểm
14	Thước thẳng có chiều dài > 500 mm	02 chiếc/01 đơn vị đăng kiểm
15	Panme (có dải đo từ 0 - 150 mm)	02 chiếc/01 đơn vị đăng kiểm
16	Com pa đo ngoài, trong	02 chiếc/01 đơn vị đăng kiểm
17	Bộ đồng hồ so (Indicate)	02 chiếc/01 đơn vị đăng kiểm

1.2. Nguồn nhân lực

1.2.1. Các chức danh trong đơn vị đăng kiểm

Đơn vị đăng kiểm có các chức danh sau:

- Lãnh đạo đơn vị (giám đốc, phó giám đốc chi cục hoặc trung tâm; trưởng, phó phòng, ban).

- Đăng kiểm viên.

- Nhân viên nghiệp vụ.

1.2.2. Năng lực đối với lãnh đạo đơn vị, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ

Thực hiện theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

1.2.3. Số lượng lãnh đạo đơn vị, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ

Số lượng cán bộ, nhân viên của một đơn vị đăng kiểm tùy thuộc vào số lượng phương tiện được kiểm tra, giám sát trên địa bàn mà đơn vị quản lý nhưng phải đảm bảo như sau:

- Số lượng đăng kiểm viên của một đơn vị đăng kiểm phải đủ để đảm bảo đăng kiểm được toàn bộ số phương tiện trên địa bàn phụ trách và thỏa mãn quy định tại Phụ lục XI.

- Số lượng nhân viên nghiệp vụ (trừ kế toán viên và thủ quỹ viên): bố trí theo tỷ lệ tối thiểu 01 nhân viên nghiệp vụ trên 05 đăng kiểm viên.

1.3. Yêu cầu về văn bản quy phạm pháp luật

Đơn vị đăng kiểm phải có đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến phương tiện thủy nội địa cũng như các quy định, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ đăng kiểm làm cơ sở cho việc quản lý, kiểm tra, đánh giá trạng thái an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa và các sản phẩm công nghiệp lắp đặt trên phương tiện.

2. Yêu cầu đối với đơn vị đăng kiểm hạng III

Ngoài các yêu cầu chung, đơn vị đăng kiểm hạng III còn phải đáp ứng thêm các yêu cầu sau:

2.1. Về nhân lực:

Có tối thiểu 01 đăng kiểm viên chuyên ngành vỏ tàu hạng III và 01 đăng kiểm viên chuyên ngành máy tàu hạng III.

2.2. Về cơ sở vật chất:

- Có máy tính nối mạng: để nhập và cấp hồ sơ đăng kiểm cho phương tiện, lưu trữ, truyền số liệu, thực hiện chương trình "quản lý và giám sát kỹ thuật phương tiện thủy nội địa" theo chỉ đạo nghiệp vụ của Cục Đăng kiểm Việt Nam, bao gồm:

- Có tối thiểu 02 máy tính có cấu hình như sau:

+ Chip từ P4 trở lên;

+ RAM >=2 GB;

+ Ổ cứng (HDD) >– 200 GB.

3. Yêu cầu đối với đơn vị đăng kiểm hạng II

Ngoài các yêu cầu chung, đơn vị đăng kiểm hạng II còn phải đáp ứng thêm các yêu cầu sau:

3.1. Về nhân lực

- Lãnh đạo đơn vị phải là đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa.

- Có tối thiểu 02 đăng kiểm viên chuyên ngành vỏ tàu hạng II và 02 đăng kiểm viên chuyên ngành máy tàu hạng II.

3.2. Về cơ sở vật chất

- Có máy tính nối mạng: để nhập và cấp hồ sơ đăng kiểm cho phương tiện, lưu trữ, truyền số liệu, thực hiện chương trình "quản lý và giám sát kỹ thuật phương tiện thủy nội địa" theo chỉ đạo nghiệp vụ của Cục Đăng kiểm Việt Nam, bao gồm:

- Có tối thiểu 01 máy tính có cấu hình như sau:

+ Chíp Dual core trở lên;

+ RAM >=8 GB;

+ Ổ cứng HDD >= 1 TB;

+ Chạy hệ điều hành Windows Server.

- Có tối thiểu 04 máy tính có cấu hình như sau:

+ Chip từ P4 trở lên;

+ RAM >= 2 GB;

+ Ổ cứng (HDD) >= 200 GB.

- Tối thiểu 01 thiết bị đo nhiệt độ từ xa.

- Tối thiểu 01 thiết bị xách tay đo hàm lượng khí độc.

- Tối thiểu 01 bộ thuốc nhuộm phát hiện khuyết tật bề mặt bằng phương pháp thẩm thấu chất lỏng.

- Tối thiểu 01 thiết bị định vị vệ tinh GPS, có tính năng đo tốc độ tàu.

- Tối thiểu 01 thiết bị đo nồng độ ô xy.

- Tối thiểu 01 đồng hồ đo vòng tua (từ xa, hiện số).

- Tối thiểu 01 đồng hồ đo độ co bóp trục cơ.

- Tối thiểu 01 thiết bị kiểm tra độ bóng bề mặt kim loại.

- Tối thiểu 01 máy vi tính xách tay.

- Thiết bị đọc phim đường hàn

3.3. Về hệ thống quản lý chất lượng: Có hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000 hoặc tương đương.

4. Yêu cầu đối với đơn vị đăng kiểm hạng I

Ngoài các yêu cầu chung, đơn vị đăng kiểm hạng I còn phải đáp ứng thêm các yêu cầu sau:

4.1. Về nhân lực:

- Lãnh đạo đơn vị phải là đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa.

- Có tối thiểu 02 đăng kiểm viên chuyên ngành vỏ tàu hạng I và 02 đăng kiểm viên chuyên ngành máy tàu hạng I.

4.2. Về cơ sở vật chất:

- Có máy tính nối mạng: để nhập và cấp hồ sơ đăng kiểm cho phương tiện, lưu trữ, truyền số liệu, thực hiện chương trình "quản lý và giám sát kỹ thuật phương tiện thủy nội địa" theo chỉ đạo nghiệp vụ của Cục Đăng kiểm Việt Nam, bao gồm:

- Tối thiểu 01 máy tính có cấu hình như sau:

+ Chíp Dual core trở lên;

+ RAM >= 8 GB;

+ Ổ cứng HDD >= 1 TB;

+ Chạy hệ điều hành Windows Server.

- Tối thiểu 04 máy tính có cấu hình như sau:

+ Chip từ P4 trở lên;

+ RAM >= 2 GB;

+ Ổ cứng (HDD) >= 200 GB;

+ Hệ điều hành từ Windows 7 trở lên.

- Tối thiểu 01 thiết bị đo nhiệt độ từ xa.

- Tối thiểu 01 thiết bị xách tay đo hàm lượng khí độc.

- Tối thiểu 01 bộ thuốc nhuộm phát hiện khuyết tật bề mặt bằng phương pháp thẩm thấu chất lỏng.

- Tối thiểu 01 thiết bị định vị vệ tinh GPS, có tính năng đo tốc độ tàu.

- Tối thiểu 01 thiết bị đo nồng độ ô xy.

- Tối thiểu 02 đồng hồ đo vòng tua (từ xa, hiện số).

- Tối thiểu 02 đồng hồ đo độ co bóp trục cơ.

- Tối thiểu 02 thiết bị kiểm tra độ bóng bề mặt kim loại.

- Tối thiểu 04 máy vi tính xách tay.

- Tối thiểu 01 thiết bị đo chiều dày bằng siêu âm.

- Tối thiểu 01 thiết bị đo khuyết tật bằng siêu âm.

- Thiết bị đọc phim đường hàn

4.3. Về hệ thống quản lý chất lượng: Có hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000 hoặc tương đương.

PHỤ LỤC XI[36] *(được bãi bỏ)*

[36] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

PHỤ LỤC XII[37]

MẪU BÁO CÁO SỐ LƯỢT KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN PHÂN THEO LOẠI HÌNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO SỐ LƯỢT KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHÂN THEO LOẠI HÌNH

(Từ ngày..... tháng..... đến ngày..... tháng..... năm.....)

Loại hình kiểm tra	**Tháng XX**	**Tháng XX+1**	**Tỷ lệ đạt tháng XX+1 so với tháng XX (%)**	**Tồn tại, hạn chế Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế**	**Đề xuất, kiến nghị**
Kiểm tra đóng mới					
Kiểm tra lần đầu					
Kiểm tra định kỳ					
Kiểm tra hàng năm					
Kiểm tra trên đà					
Kiểm tra bất thường					
Tổng số lượt kiểm tra					

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

(Lãnh đạo ký và đóng dấu)

[37] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 26/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

PHỤ LỤC XIII[38]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /	*...., ngày... tháng... năm 20...*

PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

STT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	Có/Không		Ghi chú
		Có	Không	
1	Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu.	□	□	
2	Hợp đồng (Contract) (bản sao).	□	□	
3	Danh mục hàng hóa (Packing list) kèm theo hợp đồng (bản sao).	□	□	
4	Bản sao có chứng thực chứng chỉ chất lượng	□	□	
	4.1. Giấy chứng nhận hợp quy	□	□	
	4.2. Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng	□	□	
	4.3. Giấy giám định chất lượng lô hàng	□	□	
	4.4. Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng	□	□	
5	Hóa đơn (Invoice)	□	□	
6	Vận đơn (Bill of Lading)	□	□	

[38] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023

STT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	Có/Không		Ghi chú
		Có	Không	
7	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu	□	□	
8	Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O-Certificate of Origin)	□	□	
9	Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa	□	□	
10	Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS	□	□	
11	Mẫu nhãn hàng nhập khẩu đã được gắn dấu hợp quy	□	□	
12	Nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).	□	□	

KẾT LUẬN

□ Hồ sơ đầy đủ về số lượng: Tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra các bước tiếp theo.

□ Hồ sơ không đầy đủ về số lượng: Tiếp nhận hồ sơ nhưng cần bổ sung các mục:..... trong thời gian 15 ngày. Sau khi hồ sơ đầy đủ thì kiểm tra các bước tiếp theo theo quy định./.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ	NGƯỜI KIỂM TRA HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng